

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN ĐỨC LINH

TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

2. Ông Nguyễn Đình Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 122/2021/TLST-HNGĐ, ngày 09/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2021/QĐST-DS, ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Ngọc M, sinh năm 1986; Thường trú: Tổ 17, ấp TH, xã TĐ, huyện CB, tỉnh TG. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn L, sinh năm 1988; Thường trú: Số 83, đường Cây sung bên đò, tổ 6, thôn 5, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 09/4/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đoàn

Thị Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 89, ngày 02/12/2019. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc anh L không quan tâm đến kinh tế gia đình, mà còn lâm vào con đường cờ bạc; không tôn trọng chị và gia đình chị. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh L không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị với anh L có 01 người con chung tên là Ngô Đoàn A, sinh ngày 23/5/2020. Chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2021 cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Ngô Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị M có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 08 tháng thì kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 89, ngày 02/12/2019. Sau ngày cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh đi làm, thường xuyên sống xa gia đình, cho nên gia đình vợ cho rằng anh ham chơi, không quan tâm đến gia đình và đã tác động vào tâm lý của chị M, về phần chị M thì nghe lời gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau khiến tình cảm rạn nứt. Anh cũng đã nhiều lần đề nghị chị M ra ở riêng tuy nhiên chị M không đồng ý. Nay anh nhận thấy vẫn còn tình cảm, yêu thương chị M nên anh không đồng ý ly hôn, trường hợp Chị M vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị M ly hôn thì anh cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo triệu tập của tòa án. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt bị đơn không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

Xét thấy về quan hệ tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông L đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại bà M xác định đã không còn tình cảm cũng như không muốn tiếp tục sống hôn nhân với ông L nữa nên đề nghị giải quyết cho ly hôn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật. Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Đoàn A sinh ngày 23/05/2020 và hiện tại đang sống với bà M. Xét thấy cháu An hiện tại chưa được 01 tuổi, đang sống với mẹ. Vì vậy nhằm đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho cháu An nên giao cháu An cho bà M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông L khai nhận mình đang có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng 12.000.000 đồng. Do đó, ông L cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện lập ngày 29/3/2021 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/4/2021, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định tại khoản a, b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ngọc M và anh Ngô Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 89, ngày 02/12/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, sau ngày cưới, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh, chị ít có điều kiện sống gần bên nhau nên thiếu sự cảm thông và chia sẻ cho nhau. Dẫn đến đời sống vợ chồng thiếu tình cảm yêu thương dành cho nhau, mà ngược lại còn không được êm thấm, thường xuyên xảy ra cãi vã, gây gổ. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng kết quả hòa giải không thành. Hiện tại anh chị đã sống ly thân một thời gian dài. Mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm, chia sẻ với ai. Chị M xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh L nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị M với anh L thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong đơn khởi kiện ghi ngày 29/3/2021, chị M yêu cầu giải quyết về 2 người con chung, trong đó có người con chị đang mang thai. Nhưng trong quá trình tố tụng, ngày 09/4/2021 Chị M bổ sung yêu cầu, chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Ngô Đoàn A, sinh ngày 23/5/2020 mà thôi và yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ.

Trong quá trình tố tụng, Anh L cũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của cả chị M và anh L đều là những yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Tuy nhiên xét về điều kiện nào để cháu A được nuôi dưỡng, giáo dục một cách tốt nhất, kể cả về mặt vật chất lẫn tinh thần thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu A sinh ngày 23/5/2020, tức là hiện nay cháu dưới 36 tháng tuổi. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Do đó, cần giao cháu cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị M yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2021, anh L có trình bày, hiện anh đang có công việc làm ổn định ở TP Hồ Chí Minh, thu nhập bình quân hàng tháng khoản 12.000.000đ. HĐXX xét, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M (2.000.000đ/tháng) là phù hợp với mức sống chung tại địa phương và cũng hoàn toàn phù hợp với khả năng thu nhập của anh L nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật mà chị M và các thành viên khác trong gia đình không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là người khởi kiện ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Anh L phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27

Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn giữa chị Đoàn Thị Ngọc M và anh Ngô Văn L là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị M thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Ngọc M.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố chị Đoàn Thị Ngọc M ly hôn anh Ngô Văn L

2. Về con chung:

Giao cho chị Đoàn Thị Ngọc M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên: Ngô Đoàn A sinh ngày sinh ngày 23/5/2020.

Buộc anh Ngô Văn L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị M với mức 2.000.000đ/tháng. Cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 6/2021 cho đến khi cháu Ngô Đoàn A đủ 18 tuổi. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, chị M và các thành viên khác trong gia đình không được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị Đoàn Thị Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà anh Ngô Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh L còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Ngọc M phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001586, ngày 09/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngô Văn L phải chịu 300.000đ án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Tín;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đức